



AEA

# **CÔNG TY TNHH MTV KHAI THÁC CÔNG TRÌNH THỦY LỢI KHÁNH HÒA**

---

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN**  
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2023

Được kiểm toán bởi:

**CHI NHÁNH CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN Á ÂU  
TẠI NHA TRANG**

Địa chỉ: 387/6 Lê Hồng Phong, Phước Long, Nha Trang

**CHI NHÁNH CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN Á ÂU  
TẠI NHÀ TRANG**

**PHẦN MỤC LỤC**

(Báo cáo kiểm toán số: 05/BCTC-AEA-NT ngày 05/03/2024)

| <b><u>Stt</u></b> | <b><u>Nội dung</u></b>                        | <b><u>Trang</u></b> |
|-------------------|---|---------------------|
| 1.                | BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC                      | 01-02               |
| 2.                | BÁO CÁO KIỂM TOÁN                             | 03                  |
| 3.                | BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN                          | 04-05               |
| 4.                | BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH | 06                  |
| 5.                | BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ                    | 07-08               |
| 6.                | THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH                 | 09-21               |

# CÔNG TY TNHH MTV KHAI THÁC CÔNG TRÌNH THỦY LỢI KHÁNH HÒA

111 Trần Quý Cáp, phường Phương Sài, thành phố Nha Trang, tỉnh Khánh Hòa

## BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty TNHH MTV Khai thác công trình thủy lợi Khánh Hòa (sau đây gọi tắt là 'Công ty') trình bày Báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính đã được kiểm toán của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023.

### 1. Công ty

Công ty TNHH Một Thành viên Khai thác Công trình Thủy lợi Khánh Hòa (sau đây gọi tắt là "Công ty") là công ty 100% vốn Nhà nước, được thành lập trên cơ sở hợp nhất 02 doanh nghiệp Công ty TNHH MTV Khai thác công trình thủy lợi Bắc Khánh Hòa và Công ty TNHH MTV Khai thác công trình thủy lợi Nam Khánh Hòa (theo Quyết định số 2732/QĐ-UBND ngày 14/9/2017 của UBND tỉnh Khánh Hòa). Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 4201793589 đăng ký lần đầu ngày 21/5/2018 được Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Khánh Hòa cấp, thay đổi lần thứ 04 ngày 14/02/2023.

Tên Công ty viết bằng tiếng nước ngoài: KHANH HOA IRRIGATION EXPLOITATION COMPANY LIMITED.

Tên Công ty viết tắt: CÔNG TY TNHH MTV KHAI THÁC CÔNG TRÌNH THỦY LỢI KHÁNH HÒA

Vốn điều lệ của Công ty theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp thay đổi lần thứ 04 ngày 14/02/2023 là 2.825.998.692.626 VND (Bằng chữ: Hai nghìn tám trăm hai mươi lăm tỷ, chín trăm chín mươi tám triệu, sáu trăm chín mươi hai nghìn, sáu trăm hai mươi sáu đồng).

### 2. Trụ sở chính

111 Trần Quý Cáp, phường Phương Sài, thành phố Nha Trang, tỉnh Khánh Hòa, Việt Nam.

### 3. Hoạt động kinh doanh chính

\* Trong năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023, hoạt động kinh doanh chính của Công ty là Hoạt động thủy lợi phí bao gồm tưới tiêu, quản lý, bảo vệ, vận hành và cung cấp nước thô.

### 4. Thông tin về chủ sở hữu

Tên tổ chức: Ủy ban nhân dân tỉnh Khánh Hòa

Địa chỉ: 01 Trần Phú, phường Xương Huân, Tp. Nha Trang, tỉnh Khánh Hòa.

### 5. Ban lãnh đạo Công ty

Chủ tịch Công ty, Ban Giám đốc và Kiểm soát viên đã điều hành Công ty trong năm và đến ngày lập báo cáo này như sau:

#### a. Chủ tịch Công ty

- Ông Nguyễn Thái Hùng                      Chủ tịch kiêm Giám đốc - Người đại diện theo pháp luật của Công ty

#### b. Ban Giám đốc

- Ông Nguyễn Thái Hùng                      Giám đốc  
- Ông Đinh Tấn Thành                      Phó Giám đốc  
- Ông Phạm Lự                                      Phó Giám đốc

#### c. Kiểm soát viên

- Bà Nguyễn Thị Minh Huyền              Kiểm soát viên (không chuyên trách), miễn nhiệm từ ngày 31/10/2023  
- Ông Ngô Đức Thành                      Kiểm soát viên (không chuyên trách), bổ nhiệm từ ngày 01/11/2023

## CÔNG TY TNHH MTV KHAI THÁC CÔNG TRÌNH THỦY LỢI KHÁNH HÒA

111 Trần Quý Cáp, phường Phương Sài, thành phố Nha Trang, tỉnh Khánh Hòa

### 6. Sự kiện sau ngày kết thúc niên độ

Theo nhận định của Ban Giám đốc, xét trên những khía cạnh trọng yếu, không có bất kỳ một nghiệp vụ, một sự kiện, một vấn đề bất thường phát sinh từ sau ngày kết thúc niên độ đến ngày lập báo cáo này có ảnh hưởng trọng yếu đến ý kiến của Ban Giám đốc, đến kết quả hoạt động của Công ty trong năm tài chính hiện hành.

### 7. Công bố trách nhiệm của Ban Giám đốc đối với Báo cáo tài chính

Ban Giám đốc chịu trách nhiệm về việc lập Báo cáo tài chính phản ánh trung thực, hợp lý tình hình hoạt động, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm. Trong quá trình lập Báo cáo tài chính, Ban Giám đốc cam kết đã tuân thủ các yêu cầu sau:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Đưa ra các đánh giá và dự đoán hợp lý và thận trọng.
- Các chuẩn mực kế toán được tuân thủ, không có những áp dụng sai lệch đến mức cần phải được công bố và giải thích cho báo cáo tài chính này; những nội dung cần thuyết minh đã được thuyết minh cho báo cáo tài chính.
- Lập và trình bày các báo cáo tài chính trên cơ sở tuân thủ các chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán và các quy định có liên quan hiện hành.
- Lập các báo cáo tài chính dựa trên cơ sở hoạt động kinh doanh liên tục.

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng sổ sách kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính tổng hợp của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính tổng hợp được lập phù hợp với Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính tổng hợp. Ban Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty, các xét đoán và ước tính quan trọng và vì vậy thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

### 8. Kiểm toán độc lập

Chi nhánh Công ty TNHH Kiểm toán Á Âu tại Nha Trang được chỉ định thực hiện kiểm toán báo cáo tài chính niên độ từ ngày 01 tháng 01 năm 2023 đến ngày 31 tháng 12 năm 2023 và bày tỏ nguyện vọng tiếp tục thực hiện công tác kiểm toán cho Công ty.

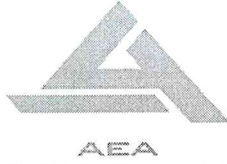
Ngày 05 tháng 03 năm 2024

Thay mặt Ban Giám đốc



Nguyễn Thái Hùng

Chủ tịch kiêm Giám đốc



Nha Trang, ngày 05 tháng 03 năm 2024

Số 05/BCTC-AEA-NT

## BÁO CÁO CỦA KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

VỀ BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP NIÊN ĐỘ TỪ 01/01/2023 ĐẾN 31/12/2023  
CỦA CÔNG TY TNHH MTV KHAI THÁC CÔNG TRÌNH THUỶ LỢI KHÁNH HOÀ

**Kính gửi: Ban Giám đốc CÔNG TY TNHH MTV KHAI THÁC CÔNG TRÌNH  
THUỶ LỢI KHÁNH HOÀ**

Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán Báo cáo tài chính tổng hợp cho Công ty TNHH MTV Khai thác công trình thuỷ lợi Khánh Hoà từ ngày 01 tháng 01 năm 2023 đến ngày 31 tháng 12 năm 2023 bao gồm Bảng cân đối kế toán, Kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ và Thuyết minh báo cáo tài chính từ trang 04 đến trang 21 kèm theo.

### Trách nhiệm của Ban Giám Đốc và Kiểm Toán Viên

Việc lập và trình bày Báo cáo tài chính này thuộc trách nhiệm của Ban Giám đốc Công ty. Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về các Báo cáo tài chính này căn cứ trên kết quả kiểm toán của chúng tôi.

### Cơ sở ý kiến

Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo đúng các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu công việc kiểm toán lập kế hoạch và thực hiện để có sự đảm bảo hợp lý rằng các báo cáo tài chính không còn chứa đựng các sai sót trọng yếu. Chúng tôi đã thực hiện phương pháp chọn mẫu và áp dụng các thử nghiệm cần thiết, các bằng chứng xác minh những thông tin trong báo cáo tài chính, đánh giá việc tuân thủ các chuẩn mực kế toán hiện hành, các nguyên tắc và phương pháp kế toán được áp dụng, các xét đoán và ước tính quan trọng của Ban Giám đốc cũng như cách trình bày tổng quát các Báo cáo tài chính, công bố trách nhiệm của Ban Giám đốc đối với Báo cáo tài chính. Chúng tôi cho rằng công việc kiểm toán của chúng tôi đã tạo ra những cơ sở hợp lý để làm căn cứ cho ý kiến của chúng tôi.

### Ý kiến

Theo ý kiến chúng tôi, ngoại trừ những ảnh hưởng (nếu có) của các khoản mục đã nêu trên, báo cáo tài chính tổng hợp đã phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty TNHH MTV Khai thác công trình thuỷ lợi Khánh Hoà từ ngày 01 tháng 01 năm 2023 đến ngày 31 tháng 12 năm 2023, phù hợp với các chuẩn mực và chế độ kế toán Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan.

**ĐẠI DIỆN CHI NHÁNH CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN Á ÂU  
TẠI NHA TRANG**



**TRẦN VŨ NGUYỄN HÀ**

Giám đốc

Giấy CNĐKHN kiểm toán số: 2333-2023-111-1

**LÊ THANH VÂN**

Kiểm toán viên Việt Nam

GCN ĐKHN Kiểm toán số 3166-2020-111-1

**CÔNG TY TNHH MTV KHAI THÁC CÔNG TRÌNH THỦY LỢI KHÁNH HÒA**

111 Trần Quý Cáp, phường Phương Sài, thành phố Nha Trang, tỉnh Khánh Hòa

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2023

| <i>Đơn vị tính: VND</i>                   |              |                    |                          |                          |
|---|--------------|--------------------|--------------------------|--------------------------|
| <b>TÀI SẢN</b>                            | <b>MÃ SỐ</b> | <b>THUYẾT MINH</b> | <b>SỐ CUỐI NĂM</b>       | <b>SỐ ĐẦU NĂM</b>        |
| <b>TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>                   | <b>100</b>   |                    | <b>52.387.488.487</b>    | <b>55.271.731.390</b>    |
| <b>Tiền và các khoản tương đương tiền</b> | <b>110</b>   |                    | <b>46.642.784.633</b>    | <b>47.672.060.172</b>    |
| Tiền                                      | 111          | V.01               | 46.642.784.633           | 47.672.060.172           |
| <b>Đầu tư tài chính ngắn hạn</b>          | <b>120</b>   |                    | <b>-</b>                 | <b>-</b>                 |
| <b>Các khoản phải thu ngắn hạn</b>        | <b>130</b>   |                    | <b>5.495.090.822</b>     | <b>7.323.488.547</b>     |
| Phải thu ngắn hạn của khách hàng          | 131          | V.02               | 3.684.319.327            | 6.152.268.052            |
| Trả trước cho người bán ngắn hạn          | 132          | V.03               | 595.100.000              | 685.500.000              |
| Phải thu ngắn hạn khác                    | 136          | V.04               | 1.239.662.495            | 509.711.495              |
| Dự phòng các khoản phải thu khó đòi       | 137          | V.05               | (23.991.000)             | (23.991.000)             |
| <b>Hàng tồn kho</b>                       | <b>140</b>   | V.06               | <b>170.921.262</b>       | <b>214.797.132</b>       |
| Hàng tồn kho                              | 141          |                    | 214.797.132              | 214.797.132              |
| Dự phòng giảm giá hàng tồn kho            | 149          |                    | (43.875.870)             | -                        |
| <b>Tài sản ngắn hạn khác</b>              | <b>150</b>   |                    | <b>78.691.770</b>        | <b>61.385.539</b>        |
| Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước  | 153          | V.07               | 78.691.770               | 61.385.539               |
| <b>TÀI SẢN DÀI HẠN</b>                    | <b>200</b>   |                    | <b>3.006.297.431.680</b> | <b>2.923.223.534.992</b> |
| <b>Các khoản phải thu dài hạn</b>         | <b>210</b>   |                    | <b>-</b>                 | <b>-</b>                 |
| <b>Tài sản cố định</b>                    | <b>220</b>   |                    | <b>2.989.788.443.761</b> | <b>2.910.352.476.992</b> |
| TSCĐ hữu hình                             | 221          | V.08               | 2.989.788.443.761        | 2.910.352.476.992        |
| Nguyên giá                                | 222          |                    | 3.216.137.018.553        | 3.135.378.862.307        |
| Giá trị hao mòn lũy kế                    | 223          |                    | (226.348.574.792)        | (225.026.385.315)        |
| TSCĐ vô hình                              | 227          | V.09               | -                        | -                        |
| Nguyên giá                                | 228          |                    | 109.646.000              | 109.646.000              |
| Giá trị hao mòn lũy kế                    | 229          |                    | (109.646.000)            | (109.646.000)            |
| Chi phí xây dựng cơ bản dở dang           | 240          | V.10               | 12.698.861.000           | 12.726.058.000           |
| <b>Tài sản dài hạn khác</b>               | <b>260</b>   |                    | <b>3.810.126.919</b>     | <b>145.000.000</b>       |
| Chi phí trả trước dài hạn                 | 261          | V.11               | 3.810.126.919            | 145.000.000              |
| <b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN</b>                  | <b>270</b>   |                    | <b>3.058.684.920.167</b> | <b>2.978.495.266.382</b> |

**CÔNG TY TNHH MTV KHAI THÁC CÔNG TRÌNH THỦY LỢI KHÁNH HÒA**

111 Trần Quý Cáp, phường Phương Sài, thành phố Nha Trang, tỉnh Khánh Hòa

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2023

|  |            |             |                          | Đơn vị tính: VND         |  |
|--|------------|-------------|--------------------------|--------------------------|--|
| NGUỒN VỐN                              |            | THUYẾT MINH | SỐ CUỐI NĂM              | SỐ ĐẦU NĂM               |  |
| <b>NỢ PHẢI TRẢ</b>                     | <b>300</b> |             | <b>26.492.558.514</b>    | <b>29.801.424.762</b>    |  |
| <b>Nợ ngắn hạn</b>                     | <b>310</b> |             | <b>26.423.977.514</b>    | <b>29.724.249.762</b>    |  |
| Phải trả người bán ngắn hạn            | 311        | V.12        | 12.821.546.264           | 13.308.910.435           |  |
| Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước    | 313        | V.13        | 211.039.431              | 194.618.361              |  |
| Phải trả người lao động                | 314        | V.14        | 10.676.442.407           | 11.080.102.886           |  |
| Chi phí phải trả ngắn hạn              | 315        | V.15        | 70.000.000               | 31.706.000               |  |
| Phải trả ngắn hạn khác                 | 319        | V.16        | 1.359.413.955            | 955.267.396              |  |
| Quỹ khen thưởng, phúc lợi              | 322        | V.17        | 1.285.535.457            | 4.153.644.684            |  |
| <b>Nợ dài hạn</b>                      | <b>330</b> |             | <b>68.581.000</b>        | <b>77.175.000</b>        |  |
| Phải trả dài hạn khác                  | 337        | V.18        | 68.581.000               | 77.175.000               |  |
| <b>VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>                  |            |             | <b>3.032.192.361.653</b> | <b>2.948.693.841.620</b> |  |
| <b>Vốn chủ sở hữu</b>                  | <b>410</b> | <b>V.19</b> | <b>3.028.854.598.805</b> | <b>2.947.027.044.776</b> |  |
| Vốn góp của chủ sở hữu                 | 411        |             | 2.825.976.594.626        | 2.825.976.594.626        |  |
| Quỹ đầu tư phát triển                  | 418        |             | 4.997.893                | 339.183.893              |  |
| Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối      | 421        |             | 4.387.248.974            | 3.053.276.191            |  |
| -LNST chưa pp lũy kế đến cuối kỳ trước | 421A       |             | (383.772.421)            | (1.833.209.124)          |  |
| -LNST chưa pp lũy kế đến cuối kỳ này   | 421B       |             | 4.771.021.395            | 4.886.485.315            |  |
| Nguồn vốn đầu tư XDCB                  | 422        |             | 198.485.757.312          | 117.657.990.066          |  |
| <b>Nguồn kinh phí và quỹ khác</b>      | <b>430</b> | <b>V.20</b> | <b>3.337.762.848</b>     | <b>1.666.796.844</b>     |  |
| Nguồn kinh phí                         | 431        |             | 3.337.762.848            | 1.666.796.844            |  |
| <b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN</b>             |            |             | <b>3.058.684.920.167</b> | <b>2.978.495.266.382</b> |  |

Các thuyết minh đính kèm là một bộ phận không tách rời của báo cáo tài chính

Người lập

Nguyễn Thị Phương Hà

Kế toán trưởng

Trần Thị Ngọc Hoà

Ngày 05 tháng 03 năm 2024

Chủ tịch kiêm Giám đốc



Nguyễn Thái Hùng

**CÔNG TY TNHH MTV KHAI THÁC CÔNG TRÌNH THỦY LỢI KHÁNH HÒA**

111 Trần Quý Cáp, phường Phương Sài, thành phố Nha Trang, tỉnh Khánh Hòa

**KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH**

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2023

| <i>Đơn vị tính: VND</i>                                   |           |             |                       |                       |
|---|-----------|-------------|-----------------------|-----------------------|
| CHỈ TIÊU  | MÃ SỐ     | THUYẾT MINH | NĂM NAY               | NĂM TRƯỚC             |
| <b>1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ</b>          | <b>01</b> | VI.21       | <b>52.027.954.402</b> | <b>65.743.819.802</b> |
| <b>2. Các khoản giảm trừ doanh thu</b>                    | <b>02</b> |             | -                     | -                     |
| <b>3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ</b> | <b>10</b> |             | <b>52.027.954.402</b> | <b>65.743.819.802</b> |
| 4. Giá vốn hàng bán                                       | 11        | VI.22       | 34.844.570            | 1.327.317             |
| <b>5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ</b>   | <b>20</b> |             | <b>51.993.109.832</b> | <b>65.742.492.485</b> |
| 6. Doanh thu hoạt động tài chính                          | 21        | VI.23       | 455.807.457           | 58.520.200            |
| 7. Chi phí tài chính                                      | 22        |             | -                     | -                     |
| - Trong đó : Chi phí lãi vay                              | 23        |             | -                     | -                     |
| 8. Chi phí bán hàng                                       | 24        |             | -                     | -                     |
| 9. Chi phí quản lý doanh nghiệp                           | 25        | VI.24       | 47.176.065.354        | 60.468.424.914        |
| <b>10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh</b>        | <b>30</b> |             | <b>5.272.851.935</b>  | <b>5.332.587.771</b>  |
| 11. Thu nhập khác   | 31        | VI.25       | 3.324.711             | 4.640.411             |
| 12. Chi phí khác  | 32        | VI.26       | 22.016                | 76.032.745            |
| <b>13. Lợi nhuận khác</b>                                 | <b>40</b> |             | <b>3.302.695</b>      | <b>(71.392.334)</b>   |
| <b>14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế</b>              | <b>50</b> |             | <b>5.276.154.630</b>  | <b>5.261.195.437</b>  |
| 15. Chi phí Thuế TNDN hiện hành                           | 51        | VI.27       | 505.133.235           | 374.710.122           |
| 16. Chi phí Thuế TNDN hoãn lại                            | 52        |             | -                     | -                     |
| <b>17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp</b>       | <b>60</b> |             | <b>4.771.021.395</b>  | <b>4.886.485.315</b>  |
| <b>18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu</b>                       | <b>70</b> |             | -                     | -                     |

Các thuyết minh đính kèm là một bộ phận không tách rời của báo cáo tài chính.

Người lập

Nguyễn Thị Phương Hà

Kế toán trưởng

Trần Thị Ngọc Hoà

Ngày 05 tháng 03 năm 2024

Chủ tịch kiêm Giám đốc



Nguyễn Thái Hùng

**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ**  
**(Theo phương pháp gián tiếp)**

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2023

| CHỈ TIÊU  | MÃ SỐ     | NĂM NAY                 | NĂM TRƯỚC               |
|---|-----------|-------------------------|-------------------------|
| <b>I - Lưu chuyển tiền từ hoạt động sản xuất, kinh doanh</b>                        |           |                         |                         |
| <b>Lợi nhuận trước thuế</b>   | <b>01</b> | <b>5.276.154.630</b>    | <b>5.261.195.437</b>    |
| <i>Điều chỉnh cho các khoản</i>   |           |                         |                         |
| - Khấu hao tài sản cố định  | 02        | 1.322.189.477           | 1.553.084.820           |
| - Các khoản dự phòng  | 03        | 43.875.870              | -                       |
| - Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện                                 | 04        | -                       | -                       |
| - Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư   | 05        | (455.807.457)           | (58.520.200)            |
| - Chi phí lãi vay   | 06        | -                       | -                       |
| <b>Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước những thay đổi vốn lưu động</b>          | <b>08</b> | <b>6.186.412.520</b>    | <b>6.755.760.057</b>    |
| - Tăng, giảm các khoản phải thu   | 09        | 1.811.091.494           | 3.223.914.269           |
| - Tăng, giảm hàng tồn kho   | 10        | -                       | 63.056.088              |
| - Tăng, giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập phải nộp) | 11        | 440.757.021             | (5.580.706.925)         |
| - Tăng giảm chi phí trả trước   | 12        | (3.665.126.919)         | 4.751.000               |
| - Tiền lãi vay đã trả   | 13        | -                       | -                       |
| - Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp   | 14        | (410.814.146)           | (578.369.582)           |
| - Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh   | 15        | 32.596.959.134          | 33.955.503.766          |
| - Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh   | 16        | (17.028.477.854)        | (17.289.340.320)        |
| <b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</b>                                | <b>20</b> | <b>19.930.801.250</b>   | <b>20.554.568.353</b>   |
| <b>II - Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư</b>                                     |           |                         |                         |
| - Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác                    | 21        | (21.415.884.246)        | (24.620.614.095)        |
| - Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác                 | 22        | -                       | -                       |
| - Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác                              | 23        | -                       | -                       |
| - Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác                      | 24        | -                       | -                       |
| - Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác   | 25        | -                       | -                       |
| - Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác                                       | 26        | -                       | -                       |
| - Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia                               | 27        | 455.807.457             | 58.520.200              |
| <b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</b>                                    | <b>30</b> | <b>(20.960.076.789)</b> | <b>(24.562.093.895)</b> |

**III - Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính**

|   |           |                        |                        |
|---|-----------|------------------------|------------------------|
| - Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu                             | 31        | -                      | -                      |
| - Tiền chi trả vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành | 32        | -                      | -                      |
| - Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được  | 33        | -                      | -                      |
| - Tiền chi trả nợ gốc vay   | 34        | -                      | -                      |
| - Tiền chi trả nợ thuê tài chính  | 35        | -                      | -                      |
| - Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu   | 36        | -                      | -                      |
| <b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động TC</b>  | <b>40</b> | <b>-</b>               | <b>-</b>               |
| <b>Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ</b>   | <b>50</b> | <b>(1.029.275.539)</b> | <b>(4.007.525.542)</b> |
| <b>Tiền và tương đương tiền đầu kỳ</b>  | <b>60</b> | <b>47.672.060.172</b>  | <b>51.679.585.714</b>  |
| Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ                                   | 61        | -                      | -                      |
| <b>Tiền tồn cuối kỳ</b>   | <b>70</b> | <b>46.642.784.633</b>  | <b>47.672.060.172</b>  |

Các thuyết minh đính kèm là một bộ phận không tách rời của báo cáo tài chính.

Người lập

Nguyễn Thị Phương Hà

Kế toán trưởng

Trần Thị Ngọc Hoà



Ngày 05 tháng 03 năm 2024

Chủ tịch kiêm Giám đốc

Nguyễn Thái Hùng

# CÔNG TY TNHH MTV KHAI THÁC CÔNG TRÌNH THỦY LỢI KHÁNH HÒA

111 Trần Quý Cáp, phường Phương Sài, thành phố Nha Trang, tỉnh Khánh Hòa

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2023

### I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP

#### 1. Hình thức sở hữu vốn

Công ty TNHH Một Thành viên Khai thác Công trình Thủy lợi Khánh Hòa (sau đây gọi tắt là “Công ty”) là công ty 100% vốn Nhà nước, được thành lập trên cơ sở hợp nhất 02 doanh nghiệp Công ty TNHH MTV Khai thác công trình thủy lợi Bắc Khánh Hòa và Công ty TNHH MTV Khai thác công trình thủy lợi Nam Khánh Hòa (theo Quyết định số 2732/QĐ-UBND ngày 14/9/2017 của UBND tỉnh Khánh Hòa). Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 4201793589 đăng ký lần đầu ngày 21/5/2018 được Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Khánh Hòa cấp, thay đổi lần thứ 04 ngày 14/02/2023.

Vốn điều lệ của Công ty là 2.825.998.692.626 VND (Bằng chữ: Hai nghìn tám trăm hai mươi lăm tỷ, chín trăm chín mươi tám triệu, sáu trăm chín mươi hai nghìn, sáu trăm hai mươi sáu đồng).

Công ty có trụ sở đặt tại: 111 Trần Quý Cáp, phường Phương Sài, thành phố Nha Trang, tỉnh Khánh Hòa

#### 2. Ngành nghề, lĩnh vực kinh doanh:

\* Hoạt động dịch vụ trồng trọt. Chi tiết: Quản lý, bảo vệ, vận hành hệ thống công trình thủy lợi. Khai thác tổng hợp nguồn nước trên hệ thống thủy lợi quản lý: tưới tiêu phục vụ sản xuất nông nghiệp, nuôi trồng thủy sản;

\* Trồng rừng và chăm sóc rừng. Chi tiết: Quản lý, bảo vệ rừng và trồng rừng;

\* Khai thác, xử lý và cung cấp nước. Chi tiết: Khai thác tổng hợp nguồn nước trên hệ thống thủy lợi quản lý, cung cấp nước cho: Sản xuất công nghiệp, sinh hoạt, nước sạch, du lịch, phát điện;

\* Xây dựng công trình công ích. Chi tiết: Tu bổ, sửa chữa thường xuyên công trình thủy lợi trong phạm vi công ty quản lý.

#### 3. Các đơn vị trực thuộc của Công ty trong năm tài chính

| TÊN   | ĐỊA CHỈ   |
|---|---|
| Công ty TNHH MTV Khai thác công trình thủy lợi Khánh Hòa - Chi nhánh tu bổ, sửa chữa thường xuyên công trình Thủy Lợi | Quốc lộ 1a, Tổ dân phố Vạn Thiện, phường Ninh Đa, Thị xã Ninh Hòa, tỉnh Khánh Hòa |
| Công ty TNHH MTV Khai thác công trình thủy lợi Khánh Hòa - Chi nhánh huyện Vạn Ninh                                   | 597 Hùng Vương, Thị trấn Vạn Giã, huyện Vạn Ninh, tỉnh Khánh Hòa                  |
| Công ty TNHH MTV Khai thác công trình thủy lợi Khánh Hòa - Văn phòng đại diện Nha Trang                               | Đường Bờ Sông - thôn Trung, xã Vĩnh Phương, Thành phố Nha Trang, tỉnh Khánh Hòa   |
| Công ty TNHH MTV Khai thác công trình thủy Lợi Khánh Hòa - Văn phòng đại diện Đá Bàn                                  | Thôn Ngọc Sơn, xã Ninh An, thị xã Ninh Hòa, tỉnh Khánh Hòa                        |
| Công ty TNHH MTV Khai thác công trình thủy lợi Khánh Hòa - Văn phòng đại diện Cam Ranh                                | 107 Nguyễn Trọng Kỳ, phường Cam Lợi, thành phố Cam Ranh, tỉnh Khánh Hòa           |
| Công ty TNHH MTV Khai thác công trình thủy lợi Khánh Hòa - Văn phòng đại diện Cam Lâm                                 | Suối Lau, xã Suối Cát, huyện Cam Lâm, tỉnh Khánh Hòa                              |

# CÔNG TY TNHH MTV KHAI THÁC CÔNG TRÌNH THỦY LỢI KHÁNH HÒA

111 Trần Quý Cáp, phường Phương Sài, thành phố Nha Trang, tỉnh Khánh Hòa

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2023

Công ty TNHH MTV Khai thác công trình thủy lợi  
Khánh Hòa - Văn phòng đại diện Diên Khánh

89 Trần Quý Cáp, Thị trấn Diên Khánh, huyện Diên Khánh,  
tỉnh Khánh Hòa

Công ty TNHH MTV Khai thác công trình thủy lợi  
Khánh Hòa - Văn phòng đại diện Ninh Hòa

Tổ dân phố Thanh Châu, phường Ninh Giang, thị xã Ninh  
Hòa, tỉnh Khánh Hòa

Công ty TNHH MTV Khai thác công trình thủy lợi  
Khánh Hòa - Văn phòng đại diện cầu đôi

Phước Tuy 2, xã Diên Phước, huyện Diên Khánh, tỉnh  
Khánh Hòa

### II. KỶ KẾ TOÁN, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

#### 1. Kỳ kế toán năm

Kỳ kế toán năm bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc ngày 31 tháng 12 hàng năm.

#### 2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán:

Đơn vị sử dụng đồng Việt Nam (VND) trong hạch toán kế toán.

### III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

#### 1. Chế độ kế toán áp dụng:

Công ty áp dụng chế độ Kế toán doanh nghiệp ban hành theo Thông tư 200/2014/QĐ-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ trưởng Bộ Tài chính và Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21/3/2016 của Bộ Tài chính về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 200/2014/TT-BTC.

#### 2. Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán

Ban Giám đốc Công ty đảm bảo đã tuân thủ đầy đủ các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam đã được ban hành và có hiệu lực liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính tổng hợp này.

#### 3. Hình thức sổ kế toán áp dụng: Nhật ký Sổ cái

### IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

#### 1. Nguyên tắc xác định các khoản tiền

*Nguyên tắc xác định các khoản tiền và các khoản tương đương tiền:*

Là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 3 tháng có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền kể từ ngày mua khoản đầu tư đó tại thời điểm báo cáo.

#### 2. Đầu tư ngắn hạn

Các khoản đầu tư ngắn hạn bao gồm quyền sở hữu [các loại cổ phiếu, công trái, các loại chứng khoán có tính thanh khoản cao khác được niêm yết] có thể dễ dàng chuyển đổi thành tiền mặt và có thời gian đầu tư dự kiến không quá một năm. Dự phòng giảm giá của cổ phiếu niêm yết được trích lập nhằm phản ánh chênh lệch giữa giá mua cổ phiếu với giá trị thị trường tại thời điểm cuối kỳ.

#### 3. Các khoản phải thu

Các khoản phải thu được trình bày trên báo cáo tài chính theo giá trị ghi sổ các khoản phải thu từ khách hàng và phải thu khác cùng với dự phòng được lập cho các khoản phải thu khó đòi;

Dự phòng nợ phải thu khó đòi thể hiện phần giá trị dự kiến bị tổn thất do các khoản phải thu không được khách hàng thanh toán phát sinh đối với số dư các khoản phải thu tại thời điểm lập bảng cân đối kế toán.

Tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng được tính vào chi phí quản lý doanh nghiệp trong kỳ.

# CÔNG TY TNHH MTV KHAI THÁC CÔNG TRÌNH THỦY LỢI KHÁNH HÒA

111 Trần Quý Cáp, phường Phương Sài, thành phố Nha Trang, tỉnh Khánh Hòa

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2023

### 4. Chính sách kế toán đối với hàng tồn kho

#### a. Nguyên tắc ghi nhận tồn kho:

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá gốc. Trường hợp giá trị thuần có thể thực hiện được thấp hơn giá gốc thì phải tính theo giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá gốc hàng tồn kho bao gồm: Chi phí mua và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong kỳ sản xuất, kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.

b. Phương pháp tính giá trị hàng tồn kho: Bình quân gia quyền

c. Phương pháp hạch toán hàng tồn kho: Kê khai thường xuyên

#### d. Phương pháp lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho:

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập vào thời điểm cuối năm là số chênh lệch giữa giá gốc của hàng tồn kho lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được của chúng.

### 5. Nguyên tắc ghi nhận và khấu hao tài sản cố định (TSCĐ)

#### a. TSCĐ hữu hình:

##### \* Nguyên tắc ghi nhận TSCĐ hữu hình:

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào hoạt động. Các chi phí mua sắm, nâng cấp và đổi mới tài sản cố định được tính vào giá trị tài sản, chi phí bảo trì sửa chữa được tính vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ. Khi tài sản được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và bất kỳ các khoản lãi (lỗ) nào phát sinh do thanh lý tài sản đều được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ.

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế.

##### \* Phương pháp khấu hao TSCĐ hữu hình:

Đối với các hạng mục tài sản phục vụ quản lý: Công ty quản lý, sử dụng và trích khấu hao Tài sản cố định theo hướng dẫn tại Thông tư số 45/2013/TT-BTC ban hành ngày 25/4/2013; Thông tư số 147/2016/TT-BTC ngày 13/10/2016 sửa đổi bổ sung một số điều của Thông tư số 45/2013/TT-BTC và Thông tư số 28/2017/TT-BTC ngày 12/04/2017 về việc sửa đổi bổ sung một số điều của Thông tư số 45/2013/TT-BTC và Thông tư số 147/2016/TT-BTC.

Đối với tài sản cố định hữu hình là hạ tầng thủy lợi: Công ty quản lý, sử dụng và trích hao mòn tài sản cố định theo hướng dẫn tại Thông tư số 75/2018/TT-BTC ban hành ngày 17/8/2018 quy định chế độ quản lý, tính hao mòn tài sản kết cấu hạ tầng giao thông, thủy lợi.

Đối với các công trình thủy lợi được đầu tư xây dựng sử dụng vốn nhà nước hoặc theo hình thức đối tác công tư: chi phí khấu hao tài sản cố định được tính trong giá sản phẩm, dịch vụ công ích thủy lợi bao gồm: phương tiện vận tải, thiết bị truyền dẫn, trang thiết bị, hệ thống thông tin quản lý vận hành và máy móc thiết bị quản lý dùng trong văn phòng.

Các tài sản cố định hữu hình phục vụ quản lý được khấu hao theo phương pháp đường thẳng với thời gian khấu hao cụ thể như sau:

| TSCĐ hữu hình:            | Năm   |
|---------------------------|-------|
| Nhà cửa, vật kiến trúc    | 05-25 |
| Máy móc, thiết bị         | 05-20 |
| Phương tiện VT            | 06-10 |
| Thiết bị, dụng cụ quản lý | 04-10 |
| TSCĐ khác                 | 07-10 |

# CÔNG TY TNHH MTV KHAI THÁC CÔNG TRÌNH THỦY LỢI KHÁNH HÒA

111 Trần Quý Cáp, phường Phương Sài, thành phố Nha Trang, tỉnh Khánh Hòa

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2023

### **b. TSCĐ vô hình:**

Tài sản cố định vô hình của Công ty là phần mềm kế toán, đã hết khấu hao.

### **6. Nguyên tắc ghi nhận và phân bổ chi phí trả trước**

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí trả trước ngắn hạn hoặc chi phí trả trước dài hạn trên Bảng cân đối kế toán được phân bổ trong khoảng thời gian trả trước của chi phí tương ứng với các lợi ích kinh tế được tạo ra từ các chi phí này.

### **7. Nguyên tắc kế toán chi phí xây dựng cơ bản dở dang**

Các tài sản đang trong quá trình xây dựng phục vụ mục đích sản xuất, cho thuê, quản trị hoặc cho bất kỳ mục đích nào khác được ghi nhận theo giá gốc. Chi phí này bao gồm chi phí dịch vụ và chi phí lãi vay có liên quan (nếu có) phù hợp với chính sách kế toán của Công ty.

### **8. Nguyên tắc ghi nhận chi phí phải trả**

Các khoản chi phí thực tế chưa chi nhưng được trích trước vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ để đảm bảo khi chi phí phát sinh thực tế không gây đột biến cho chi phí sản xuất kinh doanh trên cơ sở đảm bảo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí.

### **9. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận vốn chủ sở hữu**

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số thực góp của chủ sở hữu.

Lợi nhuận chưa phân phối xác định trên cơ sở kết quả kinh doanh sau thuế thu nhập doanh nghiệp và việc phân phối lợi nhuận hoặc xử lý lỗ của Công ty phù hợp với Nghị định 91/2015/NĐ-CP ngày 13/10/2015 của Thủ tướng Chính phủ.

### **10. Nguyên tắc ghi nhận doanh thu**

#### **a. Doanh thu bán hàng:**

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Doanh nghiệp đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua;
- Doanh nghiệp không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Doanh nghiệp đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng;
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

#### **b. Doanh thu cung cấp dịch vụ:**

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn 4 điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành;
- Xác định được chi phí phát sinh và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

#### **c. Doanh thu hoạt động tài chính:**

Doanh thu phát sinh từ tiền lãi, cổ tức, lợi nhuận được chia và các khoản doanh thu hoạt động tài chính khác được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời hai (2) điều kiện sau:

- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.

Năm 2023, Doanh thu của Công ty bao gồm doanh thu Cung cấp dịch vụ Công ích thủy lợi và doanh thu hoạt động cung cấp nước thô (dịch vụ thủy lợi khác). Doanh thu hoạt động tài chính là lãi tiền gửi Ngân hàng.

# CÔNG TY TNHH MTV KHAI THÁC CÔNG TRÌNH THỦY LỢI KHÁNH HÒA

111 Trần Quý Cáp, phường Phương Sài, thành phố Nha Trang, tỉnh Khánh Hòa

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2023

### 11. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí tài chính

Các khoản chi phí được ghi nhận vào chi phí tài chính gồm:

- Chi phí cho vay và đi vay vốn;
- Lãi vay thuê tài chính;
- Các khoản lỗ do thay đổi tỷ giá hối đoái của các nghiệp vụ phát sinh liên quan đến ngoại tệ.

### 12. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận thuế thu nhập doanh nghiệp

Thuế thu nhập doanh nghiệp trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh của năm tài chính là số thuế thu nhập phải nộp trong năm;

Thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành thể hiện số thuế phải nộp trong năm tài chính theo thuế suất được áp dụng vào ngày kết thúc năm tài chính bao gồm cả thuế thu nhập phát sinh liên quan đến một khoản mục được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành: là số thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp tính trên thu nhập chịu thuế trong kỳ và thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành. Thuế thu nhập hiện hành được tính dựa trên thu nhập chịu thuế và thuế suất áp dụng trong kỳ tính thuế. Khoản thu nhập chịu thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch giữa lợi nhuận kế toán và thu nhập chịu thuế theo chính sách thuế hiện hành.

Công ty được miễn thuế thu nhập doanh nghiệp trên thu nhập chịu thuế của hoạt động dịch vụ tưới tiêu, tiêu nước, cày bừa đất, nạo vét kênh mương...theo quy định hiện hành. Công ty có nghĩa vụ nộp thuế thu nhập doanh nghiệp với thuế suất 20% trên thu nhập chịu thuế của các hoạt động còn lại.

Việc xác định thuế thu nhập của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

## V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

|   | Cuối năm              | Đầu năm               |
|---|-----------------------|-----------------------|
| <b>1. Tiền và các khoản tương đương tiền</b>  |                       |                       |
| <b>Tiền mặt tại quỹ</b>   | <b>202.805.442</b>    | <b>233.942.371</b>    |
| + Tiền mặt tại quỹ VNĐ  | 202.805.442           | 233.942.371           |
| + Tiền mặt tại quỹ ngoại tệ   | -                     | -                     |
| <b>Tiền gửi ngân hàng VNĐ</b>   | <b>46.439.979.191</b> | <b>47.438.117.801</b> |
| <b>Tiền gửi ngân hàng Ngoại tệ</b>  | <b>-</b>              | <b>-</b>              |
| <b>Tiền đang chuyển</b>   | <b>-</b>              | <b>-</b>              |
| <i>Các khoản tương đương tiền (tiền gửi có KH dưới 3 tháng)</i>                         | <i>-</i>              | <i>-</i>              |
| <b>Tổng cộng</b>  | <b>46.642.784.633</b> | <b>47.672.060.172</b> |
| <b>2. Phải thu ngắn hạn của khách hàng</b>  |                       |                       |
| Công ty Cổ phần đường Việt Nam  | 10.224.900            | 4.677.750             |
| DNTN - Xí nghiệp nuôi trồng thủy sản Miền Trung   | 6.500.000             | 6.500.000             |
| Công ty TNHH Hải Đăng - thuê hồ Đồng Bò   | 104.305.637           | 104.305.637           |
| Công ty Cổ phần Đô Thị Ninh Hòa   | 350.264.250           | 405.253.800           |
| Công ty Cổ phần Dệt may Nha Trang   | 41.846.490            | 62.784.855            |
| CN Công ty cổ phần Đầu tư Xây dựng và Thương mại Thái Bình Dương - Nhà máy nước Cam Lâm | 351.540.000           | 691.740.000           |
| Công ty CP ĐTXD cấp thoát nước Suối Dầu   | 770.685.000           | 1.226.175.000         |
| Công ty cổ phần KCN Suối Dầu  | 169.674.750           | 151.681.950           |

**CÔNG TY TNHH MTV KHAI THÁC CÔNG TRÌNH THỦY LỢI KHÁNH HÒA**

111 Trần Quý Cáp, phường Phương Sài, thành phố Nha Trang, tỉnh Khánh Hòa

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2023

|  |                      |                      |
|--|----------------------|----------------------|
| Công ty Cổ phần Đô thị Cam Ranh  | -                    | 574.843.500          |
| Sở Nông nghiệp và phát triển Nông thôn Khánh Hòa   | 1.836.298.000        | 2.924.298.000        |
| CTy CP Công Trình Đô Thị Vạn Ninh  | 34.303.500           | -                    |
| Công ty Cổ phần Bò Giồng Miền Trung  | 5.994.880            | -                    |
| Công ty TNHH MTV Đường Biên Hoà - Ninh Hoà   | 2.681.920            | -                    |
| Các đối tượng khác   | -                    | 7.560                |
| <b>Tổng cộng</b>   | <b>3.684.319.327</b> | <b>6.152.268.052</b> |
| <b>3. Trả trước cho người bán ngắn hạn</b>   | <b>Cuối năm</b>      | <b>Đầu năm</b>       |
| Công ty CP ĐTXD cấp thoát nước Suối Dầu  | -                    | 383.000.000          |
| Công ty Luật TNHH T&D  | 95.000.000           | 115.000.000          |
| CN tu bổ, sửa chữa thường xuyên Công trình thủy lợi  | 325.000.000          | -                    |
| Đào Thanh Tuấn   | 127.100.000          | -                    |
| Đoàn Trung Dũng  | 30.000.000           | -                    |
| Khách sạn Mường Thanh Luxury Nha Trang   | 18.000.000           | -                    |
| Các đối tượng khác   | -                    | 187.500.000          |
| <b>Tổng cộng</b>   | <b>595.100.000</b>   | <b>685.500.000</b>   |
| <b>4. Phải thu ngắn hạn khác</b>   | <b>Cuối năm</b>      | <b>Đầu năm</b>       |
| Các công trình chống hạn chưa quyết toán (i)   | 158.462.000          | 158.462.000          |
| Tạm ứng  | 123.006.000          | 259.906.000          |
| Phải thu ngắn hạn khác   | 958.194.495          | 91.343.495           |
| <b>Tổng cộng</b>   | <b>1.239.662.495</b> | <b>509.711.495</b>   |
| (i) Đây là khoản phải thu ngân sách của các công trình chống hạn, Công ty sẽ thực hiện điều chỉnh sau khi có quyết toán của các công trình này |                      |                      |
| <b>5. Dự phòng các khoản phải thu khó đòi</b>  | <b>Cuối năm</b>      | <b>Đầu năm</b>       |
| DNTN - Xí nghiệp nuôi trồng thủy sản Miền Trung Công ty CP XD TL và Cơ sở Hạ tầng  | (23.991.000)         | (23.991.000)         |
| <b>Tổng cộng</b>   | <b>(23.991.000)</b>  | <b>(23.991.000)</b>  |
| <b>6. Hàng tồn kho</b>   | <b>Cuối năm</b>      | <b>Đầu năm</b>       |
| Nguyên vật liệu  | 106.694.300          | 106.694.300          |
| Thành phẩm (cấu kiện bê tông)  | 49.759.980           | 49.759.980           |
| Hàng hoá   | 58.342.852           | 58.342.852           |
| <b>Cộng giá gốc hàng tồn kho</b>   | <b>214.797.132</b>   | <b>214.797.132</b>   |
| Dự phòng giảm giá hàng tồn kho   | (43.875.870)         | -                    |
| <b>Giá trị thuần có thể thực hiện được</b>   | <b>170.921.262</b>   | <b>214.797.132</b>   |
| <b>7. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước</b>   | <b>Cuối năm</b>      | <b>Đầu năm</b>       |
| Thuế GTGT nộp thừa   | 26.151.750           | 16.895.661           |
| Thuế TNDN nộp thừa   | -                    | 25.289.878           |
| Tiền thuế đất nộp thừa   | 52.540.020           | 19.200.000           |
| <b>Tổng cộng</b>   | <b>78.691.770</b>    | <b>61.385.539</b>    |

**CÔNG TY TNHH MTV KHAI THÁC CÔNG TRÌNH THỦY LỢI KHÁNH HÒA**

111 Trần Quý Cáp, phường Phương Sài, thành phố Nha Trang, tỉnh Khánh Hòa

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2023

**8. Tăng, giảm tài sản cố định hữu hình**

| Nguyên giá                | Đầu kỳ                   | Tăng                  | Giảm                 | Cuối kỳ                  |
|---------------------------|--------------------------|-----------------------|----------------------|--------------------------|
| Nhà cửa, vật kiến trúc    | 3.106.689.312.749        | 87.727.989.246        | 6.969.833.000        | 3.187.447.468.995        |
| Máy móc thiết bị          | 24.054.332.943           | -                     | -                    | 24.054.332.943           |
| Phương tiện vận tải       | 3.542.880.600            | -                     | -                    | 3.542.880.600            |
| Thiết bị, dụng cụ quản lý | 854.773.615              | -                     | -                    | 854.773.615              |
| TSCĐ khác                 | 237.562.400              | -                     | -                    | 237.562.400              |
| <b>Tổng</b>               | <b>3.135.378.862.307</b> | <b>87.727.989.246</b> | <b>6.969.833.000</b> | <b>3.216.137.018.553</b> |

**Khấu hao lũy kế**

|                           |                        |                      |          |                        |
|---------------------------|------------------------|----------------------|----------|------------------------|
| Nhà cửa, vật kiến trúc    | 209.013.256.757        | -                    | -        | 209.013.256.757        |
| Máy móc thiết bị          | 11.729.999.126         | 1.219.421.388        | -        | 12.949.420.514         |
| Phương tiện vận tải       | 3.273.321.311          | 85.986.000           | -        | 3.359.307.311          |
| Thiết bị, dụng cụ quản lý | 772.245.721            | 16.782.089           | -        | 789.027.810            |
| TSCĐ khác                 | 237.562.400            | -                    | -        | 237.562.400            |
| <b>Tổng</b>               | <b>225.026.385.315</b> | <b>1.322.189.477</b> | <b>-</b> | <b>226.348.574.792</b> |

**Giá trị còn lại**

|                           |                          |          |          |                          |
|---------------------------|--------------------------|----------|----------|--------------------------|
| Nhà cửa, vật kiến trúc    | 2.897.676.055.992        | -        | -        | 2.978.434.212.238        |
| Máy móc thiết bị          | 12.324.333.817           | -        | -        | 11.104.912.429           |
| Phương tiện vận tải       | 269.559.289              | -        | -        | 183.573.289              |
| Thiết bị, dụng cụ quản lý | 82.527.894               | -        | -        | 65.745.805               |
| TSCĐ khác                 | -                        | -        | -        | -                        |
| <b>Tổng</b>               | <b>2.910.352.476.992</b> | <b>-</b> | <b>-</b> | <b>2.989.788.443.761</b> |

**9. Tăng, giảm tài sản cố định vô hình**

| Nguyên giá       | Đầu kỳ             | Tăng     | Giảm     | Cuối kỳ            |
|------------------|--------------------|----------|----------|--------------------|
| Phần mềm kế toán | 109.646.000        | -        | -        | 109.646.000        |
| <b>Tổng</b>      | <b>109.646.000</b> | <b>-</b> | <b>-</b> | <b>109.646.000</b> |

**Khấu hao lũy kế**

|                  |                    |          |          |                    |
|------------------|--------------------|----------|----------|--------------------|
| Phần mềm kế toán | 109.646.000        | -        | -        | 109.646.000        |
| <b>Tổng</b>      | <b>109.646.000</b> | <b>-</b> | <b>-</b> | <b>109.646.000</b> |

**Giá trị còn lại**

|                  |          |          |          |          |
|------------------|----------|----------|----------|----------|
| Phần mềm kế toán | -        | -        | -        | -        |
| <b>Tổng</b>      | <b>-</b> | <b>-</b> | <b>-</b> | <b>-</b> |

**10. Chi phí Xây dựng cơ bản dở dang**

|   | Cuối kỳ       | Đầu kỳ        |
|---|---------------|---------------|
| Tính toán dòng chảy, khả năng xả lũ (phía Nam) (i)                      | 677.170.500   | 677.170.500   |
| Lập phương án cấm mốc chi giới phạm vi bảo vệ công trình (phía Nam) (i) | 2.803.157.000 | 2.803.157.000 |

**CÔNG TY TNHH MTV KHAI THÁC CÔNG TRÌNH THỦY LỢI KHÁNH HÒA**

111 Trần Quý Cáp, phường Phương Sài, thành phố Nha Trang, tỉnh Khánh Hòa

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2023

|  |                       |                       |
|--|-----------------------|-----------------------|
| Kiểm định an toàn đập hồ chứa nước Cam Ranh (phía Nam) (i)   | 973.810.000           | 973.810.000           |
| Kiểm định an toàn đập hồ chứa nước Suối Dầu (phía Nam) (i)   | 1.043.980.500         | 1.043.980.500         |
| Hệ thống Thủy Lợi Hồ chứa nước Hoa Sơn (Kênh N21 và Kênh N2) | 247.327.000           | 247.327.000           |
| Sửa chữa hư hỏng xi phông hồ Suối Hành                       | 4.442.828.000         | 4.442.828.000         |
| Lắp đặt đồng hồ đo nước thô tại NMC Cam Lâm -HCN Cam Lâm     | 996.086.000           | 996.086.000           |
| Lắp đặt đồng hồ đo nước thô tại NMC Cam Phước Tây            | 1.541.699.000         | 1.541.699.000         |
| Giảm trừ khảo sát thiết kế - Cầu máng Vĩnh Phương            | (27.109.000)          | -                     |
| Giảm CPQLDA của Bờ tả của Đập Dâng Đập cùng                  | (88.000)              | -                     |
| <b>Tổng cộng</b>   | <b>12.698.861.000</b> | <b>12.726.058.000</b> |

(i) Đây là các dự án dở dang của Công ty TNHH MTV Khai thác Công trình thủy lợi Nam Khánh Hòa trước khi được sát nhập. Hiện tại các Công trình này Công ty đang thực hiện trình lên cơ quan nhà nước có thẩm quyền để xử lý tài chính do các đối tượng liên quan đang thi hành án do vi phạm về luật quản lý tài sản công. Công ty sẽ thực hiện điều chỉnh sau khi có ý kiến chính thức của Cơ quan nhà nước có thẩm quyền.

|                                       | <b>Cuối năm</b>      | <b>Đầu năm</b>     |
|---------------------------------------|----------------------|--------------------|
| <b>11. Chi phí trả trước dài hạn</b>  |                      |                    |
| Chi phí tổ tụng                       | 185.000.000          | 145.000.000        |
| Chi phí trả trước dài hạn chờ phân bổ | 3.625.126.919        | -                  |
| <b>Tổng cộng</b>                      | <b>3.810.126.919</b> | <b>145.000.000</b> |

|  | <b>Cuối năm</b> | <b>Đầu năm</b> |
|--|-----------------|----------------|
| <b>12. Phải trả người bán ngắn hạn</b>   |                 |                |
| Công ty Cổ phần Đầu Tư và Xây Dựng Khánh Anh   | -               | 631.143.000    |
| Chi nhánh tu bổ, Sửa chữa thường xuyên Công trình thủy lợi                                       | -               | 155.659.000    |
| Công ty TNHH MTV Khánh Lâm   | 128.360.000     | 1.975.815.000  |
| Công ty TNHH Xây Dựng Thành Danh   | 62.791.000      | 337.202.000    |
| Công ty TNHH Tư vấn & Xây Dựng Gia Lộc   | 299.429.000     | 1.645.340.000  |
| Công ty CPTV & XD Giao Thông - Thủy Lợi 70   | 870.052.000     | 133.613.000    |
| Công ty TNHH TV XD và DV 18  | 319.156.000     | 180.032.000    |
| Công ty TNHH Tư vấn và Xây dựng Phú Tài Lợi  | 198.953.000     | 1.510.751.000  |
| Công ty TNHH Tích hợp Công nghệ Hưng Thịnh   | 803.628.000     | 803.628.000    |
| Công ty TNHH Thương mại và Công nghệ B.A.C.A.U   | 796.614.000     | 796.614.000    |
| Công ty CP ĐTXD Cấp thoát nước Suối Dầu  | 49.470.000      | 1.084.850.000  |
| Công Ty TNHH Xây Dựng và Thương Mại Nam Thắng  | 2.263.267.000   | -              |
| Công ty Cổ phần Kỹ thuật Xây dựng STC  | 767.477.000     | -              |
| Công ty cổ phần Xây dựng 43  | 1.209.311.000   | -              |
| Trung tâm Quan trắc Môi trường (thuộc trường Cao đẳng Công nghệ, Kinh tế và Thủy lợi Miền Trung) | 663.133.000     | -              |
| Sở Tài Chính Khánh Hoà   | 129.891.246     | -              |
| Trần Công Hiệp   | 161.467.418     | -              |
| Công ty TNHH ĐTXD & DVTM Hưng Lộc Phát   | 34.212.000      | -              |

**CÔNG TY TNHH MTV KHAI THÁC CÔNG TRÌNH THỦY LỢI KHÁNH HÒA**

111 Trần Quý Cáp, phường Phương Sài, thành phố Nha Trang, tỉnh Khánh Hòa

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2023

|  |                       |                       |
|--|-----------------------|-----------------------|
| Công ty TNHH Thiết Kế và Nội thất TH                 | 24.937.000            | -                     |
| Hiệu Bảo Hộ Lao Động Đông Hà                         | 140.450.000           | -                     |
| HTX Ninh Thân  | 9.500.000             | -                     |
| Công ty TNHH TM và Dịch vụ Quảng Cáo Lân             | 67.932.000            | -                     |
| Công Ty TNHH MTV Hữu Tiên                            | 87.450.000            | -                     |
| Công ty Phương Uyên                                  | 21.144.000            | -                     |
| Công ty TNHH MTV TM - DV Lộc Phú                     | 25.788.600            | -                     |
| Công Ty TNHH MTV Xây Dựng Thành Đạt Nha Trang        | 241.442.000           | -                     |
| Công Ty Bảo Minh Khánh Hòa                           | 48.506.000            | -                     |
| Công ty Cổ Phần Đầu Tư Và Thương Mại Thanh Trung     | 499.121.000           | -                     |
| Công ty cổ phần tư vấn xây dựng Thủy Lợi 3           | 405.000.000           | -                     |
| CTCP Tư Vấn và Phát triển Kỹ Thuật Tài Nguyên Nước   | 486.090.000           | -                     |
| Công Ty TNHH TV ĐT và XD Miền Trung Tây Nguyên       | 176.999.000           | -                     |
| Công Ty TNHH Nhật Tùng                               | 285.177.000           | -                     |
| Công Ty TNHH tư vấn và xây dựng Gia Khánh            | 14.323.000            | -                     |
| Công ty Bảo Hiểm Bảo Long Khánh Hòa                  | 57.628.000            | -                     |
| Doanh nghiệp tư nhân Xây dựng cơ bản Việt Ngân       | 125.987.000           | -                     |
| Công Ty TNHH Tư vấn và Xây Dựng Ninh An              | 21.860.000            | -                     |
| Công ty TNHH MTV Cơ khí và Xây dựng Hoành Tài        | 49.789.000            | -                     |
| Công ty TNHH Tư vấn Xây dựng H2                      | 9.556.000             | -                     |
| Công ty TNHH Đầu tư Thành Phát NH                    | 24.677.000            | -                     |
| Công ty TNHH Tư vấn và Xây dựng Tuấn Đạt NT          | 22.497.000            | -                     |
| Công ty Cổ phần Tư vấn và Xây dựng An Thịnh          | 297.336.000           | -                     |
| Công ty CP TV XD Thủy lợi Thủy Điện Thăng Long       | 472.262.000           | -                     |
| Công ty Cổ phần Tư vấn Đầu tư và Xây dựng Xuân Thiện | 330.060.000           | -                     |
| Công ty CP Tư vấn Xây dựng và Kiểm định Miền Trung   | 99.944.000            | -                     |
| Công ty TNHH Tư vấn XD - TM và DV Gia Hưng           | 18.879.000            | -                     |
| Các đối tượng khác                                   | -                     | 4.054.263.435         |
| <b>Tổng cộng</b>                                     | <b>12.821.546.264</b> | <b>13.308.910.435</b> |
| <b>13. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước</b>       | <b>Cuối năm</b>       | <b>Đầu năm</b>        |
| Thuế thu nhập doanh nghiệp                           | 69.029.211            | -                     |
| Thuế TNCN  | 65.775.870            | 103.500.999           |
| Thuế tài nguyên                                      | 76.234.350            | 91.117.362            |
| <b>Tổng cộng</b>                                     | <b>211.039.431</b>    | <b>194.618.361</b>    |
| <b>14. Phải trả người lao động</b>                   | <b>Cuối năm</b>       | <b>Đầu năm</b>        |
| Phải trả người lao động                              | 10.676.442.407        | 11.080.102.886        |
| <b>Tổng cộng</b>                                     | <b>10.676.442.407</b> | <b>11.080.102.886</b> |
| <b>15. Chi phí phải trả ngắn hạn</b>                 | <b>Cuối năm</b>       | <b>Đầu năm</b>        |
| Trích trước chi phí khác                             | -                     | 31.706.000            |
| Trích trước chi phí kiểm toán BCTC niên độ 2023      | 70.000.000            | -                     |
| <b>Tổng cộng</b>                                     | <b>70.000.000</b>     | <b>31.706.000</b>     |

**CÔNG TY TNHH MTV KHAI THÁC CÔNG TRÌNH THỦY LỢI KHÁNH HÒA**

111 Trần Quý Cáp, phường Phương Sài, thành phố Nha Trang, tỉnh Khánh Hòa

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2023

| 16. Phải trả ngắn hạn khác                        | Cuối năm             | Đầu năm            |
|---|----------------------|--------------------|
| Kinh phí công đoàn                                | 65.670.951           | 132.643.554        |
| Công trình HT cấp nước thô Dệt May-Võ Ngọc Lệ (i) | 514.513.767          | 514.513.767        |
| Phải trả khác                                     | 779.229.237          | 308.110.075        |
| <b>Tổng cộng</b>                                  | <b>1.359.413.955</b> | <b>955.267.396</b> |

(i) Là khoản phải trả tiền bảo hành Công trình cho các cá nhân tự thực hiện, các đối tượng này hiện đang thi hành án nên sẽ được xử lý theo quyết định của cơ quan Nhà nước có thẩm quyền.

| 17. Quỹ khen thưởng, phúc lợi | Cuối năm             | Đầu năm              |
|-------------------------------|----------------------|----------------------|
| Quỹ khen thưởng               | 57.000.000           | 58.520.000           |
| Quỹ phúc lợi                  | 1.155.650.928        | 4.007.413.214        |
| Quỹ thưởng Ban QL điều hành   | 72.884.529           | 87.711.470           |
| <b>Tổng cộng</b>              | <b>1.285.535.457</b> | <b>4.153.644.684</b> |

| 18. Phải trả dài hạn khác | Cuối năm          | Đầu năm           |
|---------------------------|-------------------|-------------------|
| Các khoản ký quỹ          | 68.581.000        | 77.175.000        |
| <b>Tổng cộng</b>          | <b>68.581.000</b> | <b>77.175.000</b> |

**19. Vốn chủ sở hữu****a. Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu**

|   | Vốn đầu tư của<br>chủ sở hữu | Lợi nhuận chưa phân<br>phối |
|---|------------------------------|-----------------------------|
| <b>Số dư đầu năm trước</b>              | <b>2.825.998.692.626</b>     | <b>1.943.825.009</b>        |
| Góp vốn trong năm                       | -                            | -                           |
| Lãi trong năm                           | -                            | 4.886.485.315               |
| Phân phối LN                            | -                            | (3.603.766.618)             |
| Điều chỉnh giảm khác (giảm quyết. toán) | (22.098.000)                 | (173.267.515)               |
| <b>Số dư cuối năm trước</b>             | <b>2.825.976.594.626</b>     | <b>3.053.276.191</b>        |
| <b>Số dư đầu năm nay</b>                | <b>2.825.976.594.626</b>     | <b>3.053.276.191</b>        |
| Góp vốn trong năm                       | -                            | -                           |
| Lãi trong kỳ                            | -                            | 4.771.021.395               |
| Phân phối LN                            | -                            | (3.437.048.612)             |
| Điều chỉnh tăng khác (vốn khấu hao)     | 1.322.189.477                | -                           |
| Điều chỉnh giảm khác (vốn cố định)      | (1.322.189.477)              | -                           |
| <b>Số dư cuối kỳ</b>                    | <b>2.825.976.594.626</b>     | <b>4.387.248.974</b>        |

(Công ty thực hiện phân phối lợi nhuận theo Quyết định của UBND tỉnh Khánh Hòa)

**CÔNG TY TNHH MTV KHAI THÁC CÔNG TRÌNH THỦY LỢI KHÁNH HÒA**

111 Trần Quý Cáp, phường Phương Sài, thành phố Nha Trang, tỉnh Khánh Hòa

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2023

|                | Quý đầu tư phát triển | Quý khác thuộc vốn chủ sở hữu (Nguồn vốn đầu tư XDCB) |
|----------------|-----------------------|---|
| Số dư đầu năm  | 339.183.893           | 117.657.990.066                                       |
| Tăng trong năm | -                     | 87.832.455.246  |
| Giảm trong năm | 334.186.000           | 7.004.688.000   |
| Số dư cuối năm | 4.997.893             | 198.485.757.312                                       |

**b. Vốn pháp định****Giấy phép kinh doanh**

| VND               |
|-------------------|
| 2.825.976.594.626 |
| 2.825.976.594.626 |

**Vốn góp đến 31/12/2023**

| Tổng cộng VND     |
|-------------------|
| 2.825.976.594.626 |
| 2.825.976.594.626 |

| 20. Nguồn kinh phí và quỹ khác     | Cuối năm             | Đầu năm              |
|------------------------------------|----------------------|----------------------|
| Nguồn kinh phí sự nghiệp năm trước | 1.253.356.844        | 1.284.896.343        |
| Nguồn kinh phí sự nghiệp năm nay   | 2.084.406.004        | 381.900.501          |
| <b>Tổng cộng</b>                   | <b>3.337.762.848</b> | <b>1.666.796.844</b> |

**VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH.**

|  | Kỳ này                | Kỳ trước              |
|--|-----------------------|-----------------------|
| 21. Tổng doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ        | 52.027.954.402        | 65.743.819.802        |
| Trong đó:  |                       |                       |
| Doanh thu thủy lợi phí                                 | 30.284.676.800        | 30.266.227.000        |
| Doanh thu cung cấp nước thô                            | 21.743.277.602        | 21.292.776.002        |
| Doanh thu bảo trì kết cấu hạ tầng thủy lợi             | -                     | 14.183.044.480        |
| Doanh thu bán thành phẩm                               | -                     | 1.772.320             |
| Các khoản giảm trừ doanh thu:                          | -                     | -                     |
| <b>Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ</b> | <b>52.027.954.402</b> | <b>65.743.819.802</b> |

| 22. Giá vốn hàng bán | Kỳ này            | Kỳ trước         |
|----------------------|-------------------|------------------|
| Giá vốn hàng bán     | 34.844.570        | 1.327.317        |
| <b>Tổng cộng</b>     | <b>34.844.570</b> | <b>1.327.317</b> |

| 23. Doanh thu hoạt động tài chính | Kỳ này             | Kỳ trước          |
|-----------------------------------|--------------------|-------------------|
| Lãi tiền gửi ngân hàng            | 455.807.457        | 58.520.200        |
| <b>Tổng cộng</b>                  | <b>455.807.457</b> | <b>58.520.200</b> |

**CÔNG TY TNHH MTV KHAI THÁC CÔNG TRÌNH THỦY LỢI KHÁNH HÒA**

111 Trần Quý Cáp, phường Phương Sài, thành phố Nha Trang, tỉnh Khánh Hòa

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2023

|   | <u>Kỳ này</u>         | <u>Kỳ trước</u>       |
|---|-----------------------|-----------------------|
| <b>24. Chi phí quản lý doanh nghiệp</b>   |                       |                       |
| Chi phí cho công tác vận hành   | 33.767.576.733        | 32.950.405.352        |
| Chi phí khấu hao TSCĐ   | 1.322.189.477         | 1.553.084.820         |
| Thuế phí và lệ phí  | 1.557.013.445         | 1.725.147.584         |
| Chi phí dịch vụ mua ngoài   | -                     | 320.046.019           |
| Chi phí bảo trì công trình thủy lợi (nguồn hỗ trợ trong giá sản phẩm dịch vụ thủy lợi)  | 3.000.000.000         | 17.208.044.480        |
| Chi phí khác bằng tiền  | 7.529.285.699         | 6.711.696.659         |
| <b>Tổng cộng</b>  | <b>47.176.065.354</b> | <b>60.468.424.914</b> |
| <b>25. Thu nhập khác</b>  |                       |                       |
| Thu nhập khác   | 3.324.711             | 4.640.411             |
| <b>Tổng cộng</b>  | <b>3.324.711</b>      | <b>4.640.411</b>      |
| <b>26. Chi phí khác</b>   |                       |                       |
| Chi phí khác  | 22.016                | 76.032.745            |
| <b>Tổng cộng</b>  | <b>22.016</b>         | <b>76.032.745</b>     |
| <b>27. Chi phí thuế TNDN hiện hành</b>  |                       |                       |
| <b>Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế</b>  | <b>5.276.154.630</b>  | <b>5.261.195.437</b>  |
| + Các khoản điều chỉnh tăng LN kế toán<br>(các khoản chi không được trừ)  | 21.849                | 49.403.784            |
| + Các khoản điều giảm LN kế toán:<br>(Thu nhập từ hoạt động tưới tiêu, dịch vụ thủy nông được miễn thuế và chi phí khác không được trừ) | (2.750.510.302)       | (3.437.048.611)       |
| <b>Thu nhập chịu thuế</b>   | <b>2.525.666.177</b>  | <b>1.873.550.610</b>  |
| + Thuế suất thuế TNDN   | 20%                   | 20%                   |
| <b>Thuế TNDN tính theo thuế suất phổ thông</b>  | <b>505.133.235</b>    | <b>374.710.122</b>    |
| Thuế TNDN được giảm   | -                     | -                     |
| <b>Thuế TNDN phải nộp trong năm</b>   | <b>505.133.235</b>    | <b>374.710.122</b>    |

(Thuế TNDN phải nộp kỳ trước (năm 2022) 374.710.122 đồng chưa bao gồm 123.267.515 đồng - là số thuế truy thu sau kiểm toán của KTNN, theo Thông báo kết quả kiểm toán nhà nước số 84/TB-KV VIII ngày 01/8/2022)

**VII. Những thông tin khác****1. Các sự kiện sau ngày kết thúc niên độ tài chính tại ngày 31/12/2023**

Ban giám đốc Công ty khẳng định không có bất kỳ một nghiệp vụ, một sự kiện, một vấn đề bất thường phát sinh từ sau ngày kết thúc niên độ đến ngày lập báo cáo này có ảnh hưởng trọng yếu đến ý kiến của Ban Giám đốc, đến kết quả hoạt động của Công ty trong năm tài chính hiện hành.

**CÔNG TY TNHH MTV KHAI THÁC CÔNG TRÌNH THỦY LỢI KHÁNH HÒA**

111 Trần Quý Cáp, phường Phương Sài, thành phố Nha Trang, tỉnh Khánh Hòa

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2023

**2. Số liệu so sánh**

Theo số liệu kiểm toán được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán và Định giá Vạn An - Hà Nội, lập tháng 03 năm 2023.

**Người lập**



**Nguyễn Thị Phương Hà**

**Kế toán trưởng**



**Trần Thị Ngọc Hoà**

Ngày 05 tháng 03 năm 2024

**Chủ tịch kiêm Giám đốc**



**Nguyễn Thái Hùng**



